| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 449/2026/QĐST-HNGĐ | *Tuyên Quang, ngày 03 tháng 9 năm 2026.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 377/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Ma Thị Mai A, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Lục Văn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị Mai A và anh Lục Văn T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 16/7/2018 của UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang).*

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Ma Thị Mai A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lục Thị Thúy K, sinh ngày 13/9/2018 và Lục Minh Đ, sinh ngày 06/01/2022. Anh Lục Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

sau ly hôn là 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung (mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng). Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Ma Thị Mai A và anh Lục Văn T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ma Thị Mai A nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000352 ngày 12/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Ma Thị Mai A số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Lục Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Mỹ, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Lương Thị Huệ**